



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ 19**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 35

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 19 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 6 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ kinh doanh, trong đó lần thứ 08 là ngày 20 tháng 5 năm 2013.

**Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>2.021.100.000</b>	<b>4,04</b>
Ông Vũ Kim Long	470.000.000	0,94
Ông Trịnh Quốc Liễu	292.020.000	0,58
Ông Phan Văn Hào	629.540.000	1,26
Ông Trần Mạnh Cường	629.540.000	1,26
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>47.978.900.000</b>	<b>95,96</b>
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
 Điện thoại : 043 787 6376  
 Fax : 043 787 6375  
 Website : songda19.com.vn  
 Mã số thuế : 0 4 0 0 4 5 0 6 9 1

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:**

- Chuẩn bị mặt bằng: dịch vụ nổ mìn; san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: đầu tư và kinh doanh bất động sản; kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cho phép);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp, sân bay, bến cảng, cầu; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Phá dỡ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu vật tư và thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng các công trình giao thông;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn vật liệu xây dựng.

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Số 252, đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280	95%

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Trung Trực	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Kim Long	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Khắc Giang	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Quang Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Huỳnh Văn Cán	Thành viên	Không bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Thế Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Tuấn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Việt Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Văn Kiều	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Trung Trực	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012
Ông Phan Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2003
Ông Bùi Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2010



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 337/2013/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2013, từ trang 6 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty mẹ và các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Thị Tư**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Khoa**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.752.150.784</b>	<b>117.874.454.550</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>83.882.294</b>	<b>666.837.993</b>
1. Tiền	111		83.882.294	666.837.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.346.120.358</b>	<b>70.346.559.556</b>
1. Phải thu khách hàng	131		41.173.353.287	52.010.280.816
2. Trả trước cho người bán	132		18.379.607.111	6.603.203.787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	12.793.159.960	11.733.074.953
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.279.119.209</b>	<b>31.460.484.932</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	25.279.119.209	31.460.484.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.043.028.923</b>	<b>15.400.572.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.152.465.278	1.190.630.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	75.075	75.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	15.890.488.570	14.209.866.521

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.432.387.277</b>	<b>41.871.391.769</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.835.911.995</b>	<b>28.222.720.311</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.893.802.193	3.182.777.373
<i>Nguyên giá</i>	222		9.283.837.802	15.009.517.462
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.390.035.609)	(11.826.740.089)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	48.942.109.802	25.039.942.938
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.416.737.161</b>	<b>13.416.491.837</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	7.036.737.161	7.036.491.837
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	6.900.000.000	6.900.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(520.000.000)	(520.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>179.738.121</b>	<b>232.179.621</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	99.000.000	151.441.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	80.738.121	80.738.121
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>180.184.538.061</b>	<b>159.745.846.319</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>130.942.235.023</b>	<b>109.808.821.616</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.843.655.423</b>	<b>92.165.509.319</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	19.200.650.533	20.485.768.514
2. Phải trả người bán	312		28.235.364.847	31.617.778.795
3. Người mua trả tiền trước	313		8.669.566.746	12.133.496.717
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2.427.325.098	1.965.232.630
5. Phải trả người lao động	315		804.211.140	886.906.508
6. Chi phí phải trả	316	V.15	3.238.457.320	42.567.970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	32.243.626.402	25.005.645.757
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	24.453.337	28.112.428
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.098.579.600</b>	<b>17.643.312.297</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	35.636.188.077	17.027.188.077
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.19	462.391.523	616.124.220
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.242.303.038</b>	<b>49.937.024.703</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>49.242.303.038</b>	<b>49.937.024.703</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.510.260.157	13.510.260.157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.057.911.703	3.057.911.703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775.138.871	775.138.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.101.007.693)	(17.406.286.028)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>180.184.538.061</b>	<b>159.745.846.319</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49.616.895	49.616.895
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

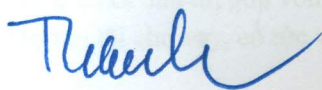
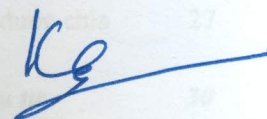
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18.566.439.089	31.553.829.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	386.964.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.566.439.089	31.166.865.584
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.489.134.343	28.235.747.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.077.304.746	2.931.118.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.939.238	130.382.007
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.150.326.869	6.344.185.723
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.150.126.869	6.339.351.098
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.661.270.424	3.442.354.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(724.353.309)	(6.725.039.753)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.455.378.182	689.159.273
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.374.349.819	537.362.426
13. Lợi nhuận khác	40		81.028.363	151.796.847
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		21.185.756	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(622.139.190)	(6.573.242.906)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		205.374.740	292.061.182
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(153.732.697)	100.705.428
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(673.781.233)</u>	<u>(6.966.009.516)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	19.623.110
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(673.781.233)	(6.985.632.626)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>(135)</u>	<u>(1.397)</u>

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(622.139.190)	(6.573.242.906)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02 V.6	237.908.179	611.215.387
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(190.095.629)	(118.328.638)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	1.150.126.869	6.339.351.098
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	575.800.229	258.994.941
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.927.569.368	4.803.871.960
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.181.365.723	2.365.007.457
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(638.695.571)	(2.548.966.744)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	52.441.500	235.596.498
- Tiền lãi vay đã trả	13	(664.534.491)	(3.037.624.646)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(11.141)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.360.580	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(36.959.091)	(149.984.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.417.348.247</b>	<b>1.926.884.155</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.779.504.147)	(5.790.490.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.455.318.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	118.328.638
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.324.185.965)</b>	<b>(5.672.161.975)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27.696.702.542	11.962.207.002	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.372.820.523)	(13.005.883.907)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>17.323.882.019</i>	<i>(1.043.676.905)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(582.955.699)</i>	<i>(4.788.954.725)</i>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	666.837.993	6.473.543.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>83.882.294</u>	<u>1.684.588.552</u>

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.

4. **Tổng số các công ty con** : 01

*Trong đó:*

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

#### 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Số 252, đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	100%	95%

#### 6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Số 12 Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	36,88%	34,96%

#### 7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 46 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (công ty mẹ) và Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **3. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ và Công ty con có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ và Công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ và Công ty con trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí thuê văn phòng*

Chi phí thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phân diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **17. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.602.978	76.850.902
Tiền gửi ngân hàng	81.279.316	589.987.091
<b>Cộng</b>	<b><u>83.882.294</u></b>	<b><u>666.837.993</u></b>

#### 2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	97.800.041	39.635.080
Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thôn Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.557.000	9.557.000
Phải thu ông Trương Văn Tuấn - tiền cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Nam Hải (tiền thoái vốn đầu tư)	3.939.393.940	3.939.393.940
Phải thu chủ nhiệm công trình	2.291.378.002	1.502.286.863
Các khoản phải thu khác	455.030.977	242.202.070
<b>Cộng</b>	<b><u>12.793.159.960</u></b>	<b><u>11.733.074.953</u></b>

#### 3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu		20.258.759
Công cụ, dụng cụ		31.440.226.173
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.279.119.209	31.460.484.932
<b>Cộng</b>	<b><u>25.279.119.209</u></b>	<b><u>31.460.484.932</u></b>

#### 4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

#### 5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	15.565.320.170	13.897.637.541
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	325.168.400	312.228.980
<b>Cộng</b>	<b><u>15.890.488.570</u></b>	<b><u>14.209.866.521</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	10.652.435.283	3.761.718.845	595.363.334	15.009.517.462
Mua sắm mới trong kỳ	223.300.000			223.300.000
Thanh lý, nhượng bán	(5.384.308.314)	(47.619.047)	(64.250.909)	(5.496.178.270)
Phân loại lại sang công cụ dụng cụ theo TT45/2013/TT- BTC	(80.840.260)		(371.961.130)	(452.801.390)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.410.586.709</b>	<b>3.714.099.798</b>	<b>159.151.295</b>	<b>9.283.837.802</b>
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		376.385.109	101.333.113	477.718.222
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	8.443.150.168	2.834.013.972	549.575.949	11.826.740.089
Khấu hao trong kỳ	115.496.409	101.542.075	20.869.695	237.908.179
Thanh lý, nhượng bán	(4.127.478.210)	(47.619.047)	(55.858.460)	(4.230.955.717)
Phân loại lại sang công cụ dụng cụ theo TT45/2013/TT- BTC	(71.695.812)		(371.961.130)	(443.656.942)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.359.472.555</b>	<b>2.887.937.000</b>	<b>142.626.054</b>	<b>7.390.035.609</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2.209.285.115	927.704.873	45.787.385	3.182.777.373
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.051.114.154</b>	<b>826.162.798</b>	<b>16.525.241</b>	<b>1.893.802.193</b>

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản công trình thủy điện Đăk Lây, chi tiết phát sinh:

	Kỳ này
Số đầu năm	25.039.942.938
Phát sinh tăng	23.902.166.864
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.942.109.802</b>

### 8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung <sup>(i)</sup>	Xây lắp	34,96%	7.036.737.161	34,96%	7.036.491.837

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0401380849 thay đổi lần thứ 1 ngày 17 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung là 19.250.000.000 VND, Công ty đầu tư là 6.730.000.000 VND, tương đương với 34,96% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty tại Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Giá gốc của khoản đầu tư	6.730.000.000			6.730.000.000
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	306.491.837	21.185.756	(20.940.432)	306.737.161
<b>Giá trị phần sở hữu</b>	<b><u>7.036.491.837</u></b>	<b><u>21.185.756</u></b>	<b><u>21.185.756</u></b>	<b><u>7.036.737.161</u></b>

### 9. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b><u>1.900.000.000</u></b>		<b><u>1.900.000.000</u></b>
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II <sup>(i)</sup>	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring <sup>(i)</sup>	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b><u>5.000.000.000</u></b>		<b><u>5.000.000.000</u></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà <sup>(ii)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>6.900.000.000</u></b>		<b><u>6.900.000.000</u></b>

<sup>(i)</sup> Là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà

<sup>(ii)</sup> Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư kinh doanh số 02/2009/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Tổ hợp chung cư cao tầng Nam Xa La tại phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tổng mức đầu tư tạm tính của dự án là 701.257.550.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 15%, tương đương với 105.188.632.500 VND, góp vốn lần đầu là 5.000.000.000 VND.

### 10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuê văn phòng

Số đầu năm

Phát sinh tăng

Kết chuyển vào chi phí SXKD

Số cuối kỳ

Kỳ này

151.441.500

116.000.000

(168.441.500)

**99.000.000**

### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.772.128.567	17.957.246.548
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn</i>	<i>17.772.128.567</i>	<i>17.957.246.548</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.249.450.000	1.349.450.000
Vay dài hạn đến hạn trả	179.071.966	1.179.071.966
<b>Cộng</b>	<b><u>19.200.650.533</u></b>	<b><u>20.485.768.514</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.957.246.548	9.087.702.542	9.272.820.523	17.772.128.567
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.349.450.000		100.000.000	1.249.450.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.179.071.966		1.000.000.000	179.071.966
<b>Cộng</b>	<b><u>20.485.768.514</u></b>	<b><u>9.087.702.542</u></b>	<b><u>10.372.820.523</u></b>	<b><u>19.200.650.533</u></b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.750.428.594	867.395.060	608.505.480	2.009.318.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.691.622	205.374.740		374.066.362
Thuế thu nhập cá nhân	46.037.339	13.809.755	15.981.607	43.865.487
Các loại thuế khác		6.000.000	6.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.965.157.555</u></b>	<b><u>1.092.579.555</u></b>	<b><u>630.487.087</u></b>	<b><u>2.427.250.023</u></b>

Trong đó:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(75.075)	(75.075)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.427.325.098	1.965.232.630
<b>Cộng</b>	<b><u>2.427.250.023</u></b>	<b><u>1.965.157.555</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(622.139.190)	(6.573.242.906)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.005.576.462	7.322.810.383
Tiền phạt chậm nộp thuế	102.907.376	
Khoản lỗ tại Công ty mẹ		6.538.161.773
Khoản lỗ tại Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		784.648.610
Lãi chưa thực hiện do giao dịch nội bộ bán tài sản	902.669.086	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(227.753.929)	(402.821.712)
Khấu hao tương ứng với phần chênh lệch tăng thêm do giao dịch nội bộ	(206.568.173)	(402.821.712)
Lãi trong Công ty liên kết	(21.185.756)	
Tổng thu nhập chịu thuế	155.683.343	346.745.765
Phân bổ thu nhập từ chênh lệch góp vốn vào Công ty con bằng tài sản được hoãn nộp thuế trong năm 2010	821.498.960	821.498.960
Lỗ các năm trước được chuyển	(155.683.343)	
Thu nhập tính thuế	821.498.960	1.168.244.725
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>205.374.740</b>	<b>292.061.182</b>

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

**15. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công trình	3.195.889.350	
Chi phí lãi vay	42.567.970	42.567.970
<b>Cộng</b>	<b>3.238.457.320</b>	<b>42.567.970</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	598.970.606	661.270.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	296.069.106	61.686.707
Tiền thuê văn phòng phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà		198.576.000
Tiền khối lượng phải trả theo hợp đồng khoán	3.617.672.149	6.709.699.461
Vay cán bộ nhân viên không phải trả lãi	21.482.104.679	10.675.520.017
Tiền lãi vay phải trả các ngân hàng	5.881.047.850	5.475.261.647
Tiền lãi vay phải trả các cá nhân	136.834.650	57.028.475
Phải trả tiền khối lượng công trình giảm theo quyết định của Thanh tra tỉnh Quảng Nam		1.052.198.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	102.907.376	
Các khoản phải trả phải nộp khác	128.019.986	114.404.970
<b>Cộng</b>	<b>32.243.626.402</b>	<b>25.005.645.757</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.800.381			6.800.381
Quỹ phúc lợi	21.312.047		3.659.091	17.652.956
<b>Cộng</b>	<b>28.112.428</b>		<b>3.659.091</b>	<b>24.453.337</b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Kon Tum để đầu tư dự án Thủy điện Đắk Lây. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	35.636.188.077	17.027.188.077

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn**

	Kỳ này
Số đầu năm	17.027.188.077
Số tiền vay phát sinh	18.609.000.000
Số tiền vay đã trả	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.636.188.077</b>

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch giá trị tài sản đem góp vốn	616.124.220		(205.374.740)	410.749.480
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch nội bộ bán tài sản		51.642.043		51.642.043
<b>Cộng</b>	<b>616.124.220</b>	<b>51.642.043</b>	<b>(205.374.740)</b>	<b>462.391.523</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(17.406.286.028)	49.937.024.703
Lợi nhuận trong kỳ này					(673.781.233)	(673.781.233)
Giảm lợi ích năm trước từ Công ty liên kết do trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(20.940.432)	(20.940.432)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>13.510.260.157</b>	<b>3.057.911.703</b>	<b>775.138.871</b>	<b>(18.101.007.693)</b>	<b>49.242.303.038</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	18.566.439.089	31.553.829.606
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	687.425.454	
- Doanh thu hoạt động xây dựng	17.879.013.635	31.486.126.272
- Doanh thu phí thầu phụ		67.703.334
Các khoản giảm trừ doanh thu:		386.964.022
- Giảm giá hàng bán		386.964.022
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>18.566.439.089</u></b>	<b><u>31.166.865.584</u></b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	687.425.454	
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	17.879.013.635	31.099.162.250
- Doanh thu phí thầu phụ		67.703.334

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	454.070.951	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng <sup>(i)</sup>	16.035.063.392	28.235.747.538
<b>Cộng</b>	<b><u>16.489.134.343</u></b>	<b><u>28.235.747.538</u></b>

<sup>(i)</sup> Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	7.149.859.119	7.365.822.742
Chi nhân công trực tiếp	1.631.473.642	4.022.974.684
Chi phí sử dụng máy thi công	420.000.000	5.412.214.848
Chi phí sản xuất chung	604.540.711	4.543.404.256
Chi phí thuê thầu phụ	2.608.738.159	5.067.537.367
Các khoản giảm theo hợp đồng giao khoán cho chủ nhiệm công trình	(2.608.268.235)	
Tổng chi phí sản xuất	9.806.343.396	26.411.953.897
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.228.719.996	1.823.793.641
<b>Giá vốn của hợp đồng xây dựng</b>	<b><u>16.035.063.392</u></b>	<b><u>28.235.747.538</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.939.238	118.328.638
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		12.053.369
<b>Cộng</b>	<b>9.939.238</b>	<b>130.382.007</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.150.126.869	6.339.351.098
Phí bảo lãnh	200.000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		4.834.625
<b>Cộng</b>	<b>1.150.326.869</b>	<b>6.344.185.723</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	640.128.955	1.708.728.747
Chi phí vật liệu quản lý	182.849.027	210.770.389
Chi phí đồ dùng văn phòng		135.015.924
Chi phí khấu hao TSCĐ	182.083.181	242.628.078
Thuế, phí và lệ phí	3.231.618	31.831.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.536.818	682.132.113
Chi phí bằng tiền khác	385.440.825	431.246.964
<b>Cộng</b>	<b>1.661.270.424</b>	<b>3.442.354.083</b>

### 6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.455.318.182	
Thu nhập từ cho thuê lại văn phòng		444.832.000
Thu nhập từ cho thuê thiết bị		144.327.273
Thu nhập khác	60.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.455.378.182</b>	<b>689.159.273</b>

### 7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.265.222.553	
Chi phí cho thuê văn phòng		434.920.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	102.907.376	
Chi phí khác	6.219.890	102.442.426
<b>Cộng</b>	<b>1.374.349.819</b>	<b>537.362.426</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(673.781.233)	(6.985.632.626)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(673.781.233)	(6.985.632.626)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(135)</b>	<b>(1.397)</b>

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.332.708.146	11.803.167.016
Chi phí nhân công	2.641.047.149	7.574.430.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.908.179	611.215.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.548.128	8.663.237.159
Chi phí khác	507.473.169	1.202.257.560
<b>Cộng</b>	<b>11.921.684.771</b>	<b>29.854.307.980</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư kinh doanh số 02/2009/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Tổ hợp chung cư cao tầng Nam Xa La tại phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, tổng mức đầu tư tạm tính của dự án là 701.257.550.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 15%, tương đương với 105.188.632.500 VND, góp vốn lần đầu là 5.000.000.000 VND, Công ty còn phải đầu tư theo hợp đồng là 100.188.632.500 VND.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty mẹ và công ty con và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ban điều hành</b>		
Cho Công ty vay ngắn hạn		615.000.000
Công ty trả tiền vay ngắn hạn	100.000.000	50.000.000
Tiền lãi vay Công ty phải trả	79.806.175	252.240.249
Tiền lãi vay Công ty đã trả		303.916.667
Nhận tạm ứng	100.000.000	

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
<i>Tiền tạm ứng</i>	<i>4.218.358.120</i>	<i>4.118.358.120</i>
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>4.218.358.120</u></b>	<b><u>4.118.358.120</u></b>
Ban điều hành		
<i>Tiền vay ngắn hạn</i>	<i>1.249.450.000</i>	<i>1.349.450.000</i>
<i>Lãi vay</i>	<i>136.834.650</i>	<i>57.028.475</i>
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>1.386.284.650</u></b>	<b><u>1.406.478.475</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	110.393.227	219.132.952
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	238.882.806	147.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>349.276.033</u></b>	<b><u>366.132.952</u></b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Sông Đà 19 cung cấp</i>		
Bán thanh lý tài sản	1.587.850.000	
Thanh toán tiền khối lượng công trình	3.710.636.000	
Cung cấp dịch vụ cho thuê ca máy, thu phụ phí		1.012.684.964
Bù trừ công nợ	1.045.011.590	1.260.463.242
<i>Sông Đà Miền Trung cung cấp</i>		
Tiền khối lượng công trình		20.415.256.364
Cung cấp dịch vụ		152.857.637
Chi trả cổ tức năm 2011		204.600.000
Chuyển trả tiền phụ phí quản lý		295.400.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ứng trước khối lượng công trình	3.886.556.635	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>3.886.556.635</u></b>	
Tiền khối lượng thi công công trình		366.917.775
<b>Cộng nợ phải trả</b>		<b><u>366.917.775</u></b>

98  
H  
:ON  
NH  
TOÁN  
A &  
AI H  
ĐA

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	1.643.321.097	589.199.233
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung		
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<b>1.643.321.097</b>	<b>589.199.233</b>
Tỷ lệ vốn hóa	59%	9%

### 4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Trung.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.985.449.757	8.580.989.332		18.566.439.089
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.985.449.757</b>	<b>8.580.989.332</b>		<b>18.566.439.089</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	607.485.615	1.469.819.131		2.077.304.746
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.661.270.424
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				416.034.322
Doanh thu hoạt động tài chính				9.939.238
Chi phí tài chính				1.150.326.869
Thu nhập khác				1.455.378.182
Chi phí khác				1.374.349.819
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				21.185.756
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				205.374.740
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(153.732.697)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(673.781.233)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>		<b>23.902.166.864</b>		<b>23.902.166.864</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>218.544.024</b>	<b>187.805.655</b>		<b>406.349.679</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.131.923.930	27.034.941.654		31.166.865.584
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.131.923.930</b>	<b>27.034.941.654</b>		<b>31.166.865.584</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	77.691.696	2.853.426.350		2.931.118.046
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.442.354.083
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(511.236.037)
Doanh thu hoạt động tài chính				130.382.007
Chi phí tài chính				6.344.185.723
Thu nhập khác				689.159.273
Chi phí khác				537.362.426
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				292.061.182
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				100.705.428
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(6.966.009.516)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.115.001.307</b>		<b>6.115.001.307</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>138.145.446</b>	<b>903.877.742</b>		<b>1.042.023.188</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	52.804.398.412	111.970.600.295		164.774.998.707
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.071.773.972	921.028.221		1.992.802.193
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				13.416.737.161
<b>Tổng tài sản</b>				<b>180.184.538.061</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.056.424.607	106.885.810.416		130.942.235.023
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>130.942.235.023</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	63.354.610.593	79.640.525.016		142.995.135.609
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.267.735.502	2.066.483.371		3.334.218.873
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				13.416.491.837
<b>Tổng tài sản</b>				<b>159.745.846.319</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Khu vực Miền Bắc</u>	<u>Khu vực Miền Trung</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	34.252.284.297	75.556.537.319		109.808.821.616
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>109.808.821.616</u></b>

## **Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp.

## **5. Quản lý rủi ro tài chính**

### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng và cho vay.

### **Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan chủ yếu hoạt động xây lắp, việc thanh toán còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, rủi ro chỉ tập trung vào phần giá trị công trình chờ phê duyệt quyết toán nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

### **Các khoản cho vay**

Công ty chỉ cho một cá nhân vay tiền. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản cho vay này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

AA  
CH  
C  
ACH  
EMT  
T  
NG



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.882.294				83.882.294
Phải thu khách hàng	39.864.205.807		1.309.147.480		41.173.353.287
Các khoản phải thu khác	7.020.528.319		6.000.000.000		13.020.528.319
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.900.000.000			1.000.000.000	6.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.868.616.420</b>		<b>7.309.147.480</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>61.177.763.900</b>

### Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	666.837.993				666.837.993
Phải thu khách hàng	50.701.133.336		1.309.147.480		52.010.280.816
Các khoản phải thu khác	6.045.303.933		6.000.000.000		12.045.303.933
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.900.000.000			1.000.000.000	6.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.313.275.262</b>		<b>7.309.147.480</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>71.622.422.742</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	28.235.364.847			28.235.364.847
Vay và nợ	19.200.650.533	35.636.188.077		54.836.838.610
Các khoản phải trả khác	34.587.044.010			34.587.044.010
<b>Cộng</b>	<b>82.023.059.390</b>	<b>35.636.188.077</b>		<b>117.659.247.467</b>

3815  
TINH  
ÔNG  
NHÌEM  
DAN V  
A &  
AI HA  
ĐA -

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	31.617.778.795			31.617.778.795
Vay và nợ	20.485.768.514	17.027.188.077		37.512.956.591
Các khoản phải trả khác	24.325.256.540			24.325.256.540
<b>Cộng</b>	<b>76.428.803.849</b>	<b>17.027.188.077</b>		<b>93.455.991.926</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty là khoản vay ngắn và dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.096.736.772 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 750.259.132 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do sự giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì đến hạn theo hợp đồng.

### **Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

### **Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.882.294		666.837.993		83.882.294	666.837.993
Phải thu khách hàng	41.173.353.287		52.010.280.816		41.173.353.287	52.010.280.816
Các khoản phải thu khác	13.020.528.319		12.045.303.933		13.020.528.319	12.045.303.933
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.900.000.000	(520.000.000)	6.900.000.000	(520.000.000)	6.380.000.000	6.380.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.177.763.900</b>	<b>(520.000.000)</b>	<b>71.622.422.742</b>	<b>(520.000.000)</b>	<b>60.657.763.900</b>	<b>71.102.422.742</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	28.235.364.847	31.617.778.795	28.235.364.847
Vay và nợ	54.836.838.610	37.512.956.591	54.836.838.610	37.512.956.591
Các khoản phải trả khác	34.587.044.010	24.325.256.540	34.587.044.010	24.325.256.540
<b>Cộng</b>	<b>117.659.247.467</b>	<b>93.455.991.926</b>	<b>117.659.247.467</b>	<b>93.455.991.926</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải thu, phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực